TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 114/2025/HS-ST Ngày 21 - 8 - 2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn

Thẩm phán: Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Nga

Bà Hoàng Thị Len

Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 82/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2025 đối với:

I. Bị cáo: Đào Hồng N, sinh năm 1988 tại tỉnh Ninh Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm I, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình (nay là xóm I, xã G, tỉnh Ninh Bình); Chỗ ở hiện nay: xóm F, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình (nay là xóm F, xã G, tỉnh Ninh Bình); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Đào Anh N1; mẹ đẻ: Trần Thị N2 (đã chết); chồng là Đinh Văn H (đã ly hôn năm 2021); có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/9/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh H *(có mặt).*

II. Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Đinh Quốc H1**, Văn phòng L tỉnh Ninh Bình, Đoàn Luật sư tỉnh N.

Địa chỉ: Số C, ngõ D, đường H, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là phường H, tỉnh Ninh Bình). *(có mặt).*

III. Bị hại: Chị **Đỗ Thị T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số nhà D, đường số A, tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (nay là số nhà D, đường số A, tổ C, phường T, tỉnh Hưng Yên). *(vắng mặt).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Luật sư **Đoàn Thế H2,** Công ty L1 và cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố H. *(có mặt).*

Địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà B, ngõ E đường T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội (nay là tầng 2, tòa nhà B, ngõ E đường T, phường C, thành phố Hà Nội).

IV. Người làm chứng:

- Chị **Đỗ Thị Thu H3**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: P, Tòa C, Chung cư E, số D đường M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phòng 1418, Tòa C, Chung cư E, số D đường M, phường H, thành phố Hà Nội).

- Chị **Đào Thị N3**, sinh năm 1983.

Nơi ĐKHKTT: xóm F, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình (nay là xóm F, xã G, tỉnh Ninh Bình).

Chỗ ở hiện nay: tổ A, đường N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (nay là tổ A, đường N, phường L, thành phố Hà Nội).

(Chị H3 vắng mặt, chị N3 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2006 Đào H đi làm giúp việc cho nhiều gia đình tại thành phố Hà Nội. Đến khoảng tháng 02/2023, N làm giúp việc cho gia đình chị Đỗ Thị Thu H3. Trong thời gian làm giúp việc cho gia đình chị H3, qua mạng xã hội Telegram Nhung đã đăng ký tham gia nhóm "*Đầu tư làm giàu*" và đã được chủ nhóm (*có tên tài khoản là "H4 chuyên gia đầu tư*") rủ đầu tư "*tiền ảo*" để lấy tiền lãi và N đã đồng ý tham gia. Tuy nhiên, do chưa có tiền nên N chỉ tham gia vào nhóm T1 để tìm hiểu chứ chưa đầu tư.

N là em họ của chị Đỗ Thị T. Chị T thấy trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, N thường xuyên đi cúng lễ tại các đền, chùa và thường đăng ảnh, video về việc cúng lễ lên mạng xã hội nên nhiều lần nhờ N cúng lễ cho gia đình chị.

Khoảng đầu tháng 12/2023, chị T có nhu cầu mua một thửa đất với giá 11.000.000.000đ tại thành phố T nên chị T đã gọi điện hỏi N xem giúp có mua được mảnh đất trên không (*khi nói chuyện với N thì chị T không nói mua mảnh đất ở đâu)*. Sau khi được chị T nhờ, do cần tiền để đầu tư tiền ảo, N đã nảy sinh ý định nói dối chị T về việc đặt tiền cúng lễ nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của chị T. N bảo chị T chuyển cho N số tiền 136.000.000 đồng là số sinh tài lộc để đặt lễ cúng vào ngày 08/12/2023, sau khi cúng xong thì sẽ trả lại cho chị T, chị T đồng ý. Ngoài ra, N còn hỏi vay chị T số tiền 35.000.000 đồng với lý do để xử lý công việc cá nhân thì chị T cũng đồng ý cho N vay. N nói với chị T là đã làm lễ xong và chuyển trả lại 136.000.000 đồng cho chị T, mục đích là tạo niềm tin với chị T về việc N có cúng lễ và sau khi cúng xong là trả lại tiền để sau đó N có thể lấy được nhiều tiền hơn từ chị T. N tiếp tục đưa ra thông tin gian dối, nói với chị T "*Mảnh đất chị T muốn mua có một bà cô đang ngự, muốn mua được đất thì phải cúng và đặt tiền làm lễ*", rồi bảo chị T chuyển cho N số tiền đặt để làm lễ là 1.300.000.000 đồng vào trưa ngày 11/12/2023, sau khi lễ xong N sẽ trả lại. Do N đang nợ chị T số tiền vay 35.000.000 đồng nên chị T thỏa thuận với N chuyển số tiền 35.000.000 đồng N đang nợ chị T vào số tiền 1.300.000.000 đồng thì N đồng ý nên chị T đã chuyển 1.265.000.000 đồng cho N (*ngày 10/12/2023 chuyển 2 lần với số tiền lần lượt là 237.000.000 đồng và 388.000.000 đồng; ngày 11/12/2023 chuyển 2 lần với số tiền lần lượt là 400.000.000 đồng và 240.000.000 đồng*). Tổng chị T đã chuyển cho N 1.300.000.000 đồng để N làm lễ.

Sau khi nhận được tiền do chị T chuyển, N không làm lễ cúng gì mà sử dụng số tiền chị T chuyển cho mình để đầu tư "*tiền ảo*". N đã chuyển đến 15 số tài khoản khác do người có tài khoản trên ứng dụng Telegram là "*Hoàng chủ đầu tư làm giàu*" cung cấp để đầu tư kinh doanh "*tiền ảo*". N không biết đối tượng này và không biết chủ tài khoản của những ai, sau đó đối tượng chặn tin nhắn và chặn cuộc gọi của N.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 11/12/2023, cho rằng N đã lễ xong từ buổi trưa, chị T gọi điện cho N yêu cầu chuyển lại cho mình 1.300.000.000 đồng. N nói dối sẽ ra ngân hàng chuyển cho chị T. Đến 16 giờ cùng ngày, chị T không thấy N chuyển trả lại tiền nên gọi điện yêu cầu N chuyển trả tiền, thì N nói với chị T đã sử dụng tiền đầu tư "*tiền ảo*" và chưa trả lại được. Sau đó chị T nhiều lần điện, gặp yêu cầu N trả lại tiền nhưng N không trả nên đã đến trình báo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Ninh Bình.

Ngoài nội dung trao đổi yêu cầu chị T chuyển 1.300.000.000 đồng để làm lễ cúng, N còn hỏi vay chị T số tiền 1.500.000.000 đồng, chị T đồng ý và cho N vay. Ngày 14/12/2023, N vay chị Đào Thị N3 (*là chị ruột của N*) 1.500.000.000 đồng nói vay để trả cho chị T, chị N3 đồng ý và cho N vay và N đã trả cho chị T

1.500.000.000 đồng. Chị N3 xác định việc cho N vay là tự nguyện, không đề nghị giải quyết số tiền này.

Kết quả điều tra xác định bị cáo N trong quá trình sinh sống có biểu hiện khác thường, hay nói chuyện về tâm linh và tự nhận bản thân có khả năng nói chuyện được với người âm. Cơ quan điều tra đã tiến hành giám định tâm thần đối với N.

* Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 237/KLGĐ ngày 16/9/2024 của V, kết luận:

"*Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định đối tượng Đào Hồng N bị bệnh rối loạn lên đồng và bị xâm nhập. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F44.3. Tại thời điểm phạm tội và tại thời điểm giám định đối tượng ở ngoài cơn rối loạn lên đồng và bị xâm nhập, đối tượng đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi*."

***** Bị hại đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật, buộc bị cáo hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt là 1.300.000 đồng.

*** Cáo trạng số 85/CT-VKSTB ngày 23/6/2025** của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố Đào Hồng N về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo trình bày do kinh tế gia đình khó khăn, bản thân bị cáo ham làm giàu, nên khi được một đối tượng trên mạng xã hội rủ rê đầu tư kinh doanh tiền ảo, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị T. Để thực hiện hành vi, bị cáo đã nói dối chị T để chị T đưa tiền cho bị cáo làm lễ cúng rồi sẽ chuyển trả, chị T tin tưởng nên đã chuyển cho bị cáo số tiền 1.300.000.000 đồng để làm lễ nhưng sau khi nhận được tiền bị cáo không tiến hành đã gửi toàn bộ số tiền trên cho một đối tượng trên mạng (bị cáo không biết rõ là ai) để đầu tư tiền ảo. Bị cáo chưa trả được cho chị T khoản tiền nào. Bị cáo rất hối hận, bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Bị hại trình bày: Bị cáo đã lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt số tiền 1.300.000.000 đồng của chị T. Bị cáo chưa trả được cho chị T được khoản tiền nào, đề nghị bị cáo phải dùng mọi tài sản để trả cho chị T số tiền đã chiếm đoạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đào Hồng N phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 12 năm đến 13 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/9/2024. Về hình phạt

bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho bị hại số tiền 1.300.000.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt theo đề nghị của bị hại.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Xiaomi, loại Redmi Note 12, màu đen đã qua sử dụng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi, bị cáo có con nhỏ, chồng đã ly hôn nên phải nhờ bố đẻ nuôi trong khi bố đẻ bị cáo có công với nước được tặng thưởng nhiều huân huy chương là thương binh 1/8 mất 62%, bị nhiễm chất độc hoá học nên sinh con ra đã bị khuyết tật trong đó có anh trai bị cáo; mẹ đẻ là giáo viên được tặng thưởng huân huy chương vì sự nghiệp giáo dục; bản thân bị cáo từng bị bệnh rối loạn lên đồng và bị xâm nhập; hoàn cảnh bị cáo rất bi đát, khó khăn nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị HĐXX áp dụng cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về nuôi dạy con cái và khắc phục hậu quả.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về lao động kiếm tiền trả bị hại và trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ

án là Đơn tố giác, lời khai người bị hại là chị Đỗ Thị T (bút lục số 01-03, 196-210, 217-219); Tài liệu sao kê tài khoản Ngân hàng của bị cáo, bị hại và các tài khoản liên quan, lời khai của những người liên quan đến tài khoản Ngân hàng (bút lục số 114-194); Lời khai người làm chứng chị Đỗ Thị Thu H3, chị Đào Thị N3 (bút lục số 345, 346, 349-352).

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Do muốn có tiền để đầu tư kinh doanh tiền ảo trên mạng xã hội nên khi được chị Đỗ Thị T nhờ làm lễ cúng để chị T mua đất, Đào H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị T. N đưa ra thông tin gian dối để chị T chuyển số tiền 136.000.000 đồng cho N đặt lễ sau đó N đã hoàn trả ngay để tạo lòng tin đối với chị T nhằm chiếm đoạt số tiền lớn hơn. Để thục hiện hành vi, N tiếp tục nói dối chị T về việc mảnh đất chị T đang muốn mua có bà cô ngự cần phải tiếp tục làm lễ, yêu cầu chị T chuyển 1.300.000.000 đồng để đặt lễ, cúng xong N sẽ chuyển trả lại tiền. Chị T đã chuyển khoản tiền theo yêu cầu của N. Tuy nhiên sau khi nhận được tiền N không tiến hành làm lễ cúng cho chị T mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền 1.300.000.000 đồng của chị T.

Hành vi của Đào Hồng N đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

"Điều 174 Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Bị cáo đã lợi dụng lòng tin của người khác để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của họ với số tiền lớn, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm

với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm liên quan đến lừa đảo chiếm đoạt tài sản đang có xu hướng gia tăng trong xã hội.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bố mẹ đẻ bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng nhiều Huân huy chương, bản thân bị cáo mắc bệnh nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt:

Căn cứ vào số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo không có thu nhập, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt 1.300.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi, loại Redmi Note 12, màu đen đã qua sử dụng đã thu giữ của bị cáo là thiết bị bị cáo sử dụng vào việc liên lạc với chị T, giao dịch tiền với chị T và giao dịch tiền ảo nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Các vấn đề khác: Đối với số tiền N đã chuyển đến 15 tài khoản không quen biết, kết quả điều tra có 02 chủ tài khoản người nước ngoài, hiện tại đã xuất cảnh khỏi Việt Nam; 01 chủ tài khoản đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2020, đến nay chưa về Việt Nam; 02 tài khoản không đủ căn cứ xác định có liên quan đến hành vi của N. Còn 10 tài khoản Cơ quan điều tra đã có quyết định uỷ thác điều tra nhưng chưa nhận được kết quả trả lời. Trường hợp những tài

khoản này có liên quan đến hành vi của N, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra xử lý theo quy định.

[9] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Hồng N phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đào Hồng N 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/9/2024.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Đào Hồng N phải bồi thường cho chị Đỗ Thị T, sinh năm 1980, Địa chỉ: Số nhà D, đường số A, tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (nay là số nhà D, đường số A, tổ C, phường T, tỉnh Hưng Yên) số tiền 1.300.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Xiaomi, loại Redmi Note 12, màu đen đã qua sử dụng (Vật chứng đang được quản lý tại Thi hành án tỉnh Hưng Yên theo Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án lập ngày 24/6/2025).

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Đào Hồng N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 51.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/8/2025./.

Nơi nhận:
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự, phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Hưng Yên.
- Viện kiểm sát nhân dân Tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn